

Bản án số: 30/2020/HN-PT

Ngày 16-11-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn T (tên gọi khác K), sinh năm 1987;

HKTT: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Nhà trọ T, đường Nguyễn Văn T, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 1985;

HKTT: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số nhà xx, Quốc lộ 80, khóm H, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo anh Cao Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Cao Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị N quen biết nhau năm 2007, sau thời gian tìm hiểu năm 2009 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vì vậy, anh T yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Anh T, chị N có một con chung tên Cao Hoàng H, sinh ngày 04/9/2010, hiện đang sinh sống với chị N. Anh T đồng ý giao con chung cho chị N nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị Nguyễn Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh T quen biết nhau năm 2007, đến năm 2009 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2019 anh T đi làm ở thành phố Vĩnh Long rồi tự ý nộp đơn xin ly hôn, nguyên nhân anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, cha mẹ anh T đã bắt gặp anh T và người phụ nữ đó tại nhà nghỉ. Hiện nay chị N vẫn còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị N, anh T có một con chung tên Cao Hoàng H, sinh ngày 04/9/2010, hiện con đang sinh sống với chị N. Trường hợp Tòa án cho anh T ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Cao Văn T về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Kim N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/7/2020 anh Cao Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kim N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Cao Văn T trình bày: Anh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Lý do tình cảm vợ chồng không còn, anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N và từ tháng 4/2020 đến

nay hai bên không hàn gắn được tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng thống nhất thuận tình ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Chị Nguyễn Kim N trình bày: Chị N mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã tạo điều kiện cho anh T thăm con, nói chuyện với con qua kết nối mạng xã hội Zalo, Facebook nhưng anh T chặn kết nối với tài khoản của chị N, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, kéo dài quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị N sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh T, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Anh T kháng cáo đúng thời hạn quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị N thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của anh T, chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Cao Văn T và chị Nguyễn Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Cao Văn T làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh T và chị N tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 90 quyển số 01 ngày 22/6/2009. Do đó, hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị N thống nhất từ khi xét xử sơ thẩm đến nay vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, anh T không mong muốn

hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N, kéo dài quan hệ hôn nhân cũng không có hạnh phúc. Vì vậy, anh T và chị N thống nhất thỏa thuận tình ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết. Xét thấy, anh T và chị N đã thỏa thuận thống nhất thỏa thuận tình ly hôn là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh T, chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Việc thỏa thuận giải quyết vụ án của anh T và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị N.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/11/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Công nhận sự thỏa thuận của anh Cao Văn T và chị Nguyễn Kim N.

1. Về hôn nhân: Anh Cao Văn T và chị Nguyễn Kim N thuận tình ly hôn.
2. Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.
3. Về án phí sơ thẩm: Anh Cao Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007541 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
4. Về án phí phúc thẩm: Anh Cao Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002915 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh;
- TAND H. C;
- CCTHADS H. C;
- UBND xã Tân Bình, H. C;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Lưu: VT, HSVA, TGD&NCTN (N).

(đã ký)

Huỳnh Kim Oanh